

Nhà nho đặt vấn đề tận dụng nhân lực  
để mở mang miền nam:

## Nguyễn Cư Trinh

Sanh năm 1716, Nguyễn Cư Trinh 阮居貞 dòng dõi họ Trịnh ở Huyện Thiên Lộc, Hà Tĩnh. Tổ tiên xưa là Trịnh Cam, Binh Bộ thượng thư dưới triều Lê. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527) Trịnh Cam trốn vào Thuận Hóa chiêu tập dân chúng chống nhà Mạc, việc chưa thành thì mất. Con cháu đến xã An Hòa<sup>1</sup> lập nghiệp. Đến đời Nguyễn Đăng Đệ, đời thứ bảy, nổi tiếng học giỏi, thông minh, thi đỗ Sinh Đồ được bổ làm Huấn đạo rồi thăng Tri huyện Minh Linh. Chúa Nguyễn Phúc Chu, lúc bấy giờ thương tài cho ông đổi ra cho họ Nguyễn. Con út của Đăng Đệ là Nguyễn Cư Trinh tên tục Nghi, hiệu Đạm Am, nhờ sinh trưởng trong gia đình văn học nên cũng thành đạt: Đậu Hương cống năm Canh thân (1740) và được bổ làm Tri

---

<sup>1</sup> An Hòa nay thuộc thành phố Huế (ngoài cửa An Hòa).

Phủ phủ Triệu Phong. Khi Nguyễn Phúc Khoát xưng vương (1744), Nguyễn Cư Trinh coi việc soạn thảo công văn. Năm 1750 ông được cử giữ chức Tuần Phủ Quảng Ngãi, nơi đây thường có giồng dân Đá Vách (dân thiểu số ở Quảng Ngãi) khuấy phá, ông phải đem quân đánh dẹp. Để khích lệ quân sĩ trong công cuộc bình định này ông có đặt ra tuồng Sãi Vãi. Năm 1753 ông được phái đi đánh Thủy Lạp và góp công lớn vào cuộc mở mang đất đai ở miền Tây.

Năm 1765 Nguyễn Phúc Thuận lên ngôi, mới 12 tuổi, Nguyễn Cư Trinh được gọi về làm quan trong triều, đến năm 1767 thì mất, được thờ ở quốc miếu.

Ngoài *Sãi Vãi* 仕 媿 (nôm) ông còn *Đạm Am thi tập* 澹 庵 詩 集 (Hán, đã mất) 10 bài họa Hà Tiên Thập Cảnh 河 仙 十 景 詠 với Mạc Thiên Tích (Hán, hiện còn chép ở sách *Phủ biên tạp lục* 撫 邊 雜 錄 của Lê Quý Đôn), một số thơ Hán rải rác (trong *Nam hành đắc ký tập* 南 行 得 記 集” của Phạm Nguyễn Du).

Ý HƯỚNG SÁNG TÁC của quyển Sãi Vãi:

1. Sãi Vãi được tác giả viết để nâng cao tinh thần quân sĩ khi đi bình giặc Đá Vách, một nhóm

người thiếu số, rất dữ, thường tàn hại người Việt  
Đàng Trong thuở đó:

*“Đến đâu là tảo tận,  
Bắt đặng ắt giết tươi,  
Đã vào làng cướp của hại người.  
Lại ra nội đuổi heo bắt ngựa”.*

Ông đặt ra đề diễn trong quân thứ, trước tạo  
dịp quân sĩ mua vui, sau đề giải thích tận tường lý  
do phải bình định.

\* Ở mục đích mua vui, tác giả không viết  
bằng giọng văn trầm lắng độc điệu, cũng như  
không dùng lối độc thoại tràng giang trái lại thỉnh  
thoảng thêm vào những đoạn trào phúng, khôi hài  
có tình cách bông lơn, bỡn cợt, những lời đối thoại  
đi ra ngoài câu chuyện để tạo một không khí vui  
tươi, chẳng hạn những câu giễu cợt của ông Sãi:

- *“Sãi yêu vì đạo,  
Sãi dẫu vì dươn.  
Thấy Mụ Vãi nhan sắc có hơn,  
Cho Sãi tu hành kẻ thiệt.”*  
- *“Sẵn đồ, sẵn đạc,  
Liều sau cũng gần đây,  
Vào cùng Vãi tu hoài tu hủy.”*  
- *“Vãi này cũng lạ,  
Chớ nói mà sâu  
Uổng năm dây đờn gảy tai trâu,  
Hoài muôn học nước xao đầu vịt.”*  
- *“Sãi không có biết,*

*Sãi chẳng có hay,  
Ghé cho khỏi cánh tay,  
Kéo mà tuông trái vé.”*

*- “Kê tai lại mà nghe,  
Ghé vú ra kéo chạm.”*

*- “Như yêu sự lãng quǎng, chi cho bằng yêu  
mụ Vãi.”*

*- “Hãy tu đây cho dễ,  
Ất qua đó khó lòng.  
Chớ đi mà nó bắt Vãi đi,  
Nỡ bỏ Sãi bỏ cô bỏ cút”.*

Hay các câu hỏi không cần thiết của mụ Vãi, chỉ có tính cách đong đưa, gợi ý để ông Sãi dễ bề thô lộ ý mình:

*- “Chẳng hay ông Sãi quê quán ở phương  
nào?”*

*- “Lời nói sao nguy,  
Chẳng phải tánh chơn  
Tu làm sao lo thiệt lo hơn,  
Tu làm sao tham tài tham sắc?”*

*- “Ông có biết sự đời,  
Nói nghe chơi cũng khá?”*

Nhân vật mụ Vãi vì vậy xuất hiện như một phương thế để không khí thêm phần trào lộng, khôi tẻ nhạt, mặt khác người nghe (đọc) không phải nín hơi theo dõi một lời độc thoại quá dài, dễ gây nhàm chán, nhất là trường hợp quân sĩ nơi đồn trại mà khung cảnh và kiến thức không cho phép.

Dụng ý này của Nguyễn Cư Trinh rất hợp tình hợp cảnh, nhưng không phải hoàn toàn do ông độc sáng nếu ta để ý rằng trước ông có người viết tuồng rồi, nhưng tiếc rằng nay những tác phẩm này đã thất lạc<sup>1</sup>.

2. Từ năm 1673, năm Nam Bắc hưu chiến đến năm 1750 năm Nguyễn Cư Trinh viết quyển Sãi Vãi<sup>2</sup> Nhân dân Nam Hà hưởng gần 80 năm thái bình nên việc quân sự có phần chênh mảng, suốt thời gian này Đàng Trong tuy chúa Nguyễn đã thi

---

<sup>1</sup> Tuồng San Hậu 山后 của Đào Duy Từ (nay đã mất). Bản lưu hành hiện tại đã có nhiều sự sửa chữa của Đào Tấn. Về tuồng San Hậu thuyết cũ cho là của Đào Duy Từ và hiện nay nhiều người viết văn học sử cũng chấp nhận như vậy (Thanh Lãng - Bảng lược đồ ...quyển I, trang 313) Có người còn cho Lê Văn Duyệt, có người lại còn cho là của một tác giả dưới trướng của Tả quân coi về đoàn nhạc kịch ở Gia Định thành. Thật ra vấn đề tác giả tuồng hát bội là chuyện mò kim đáy bể vì người xưa viết tuồng không bao giờ để ý đến chuyện đề tên tác giả. Tuồng nào có tên tác giả cũng là nhờ những yếu tố may mắn gián tiếp hơn là cái tên tác giả trên bản văn hay trong gia phả...

<sup>2</sup> Trong bức thư đề ngày 1/6/1951 Ông Hải Đường Chim Hải Yến có viết “Sãi Vãi đã khai sinh đúng hai trăm năm dưới ngòi bút của Đạm Am, Nguyễn Cư Trinh (trang VII)..... “cho xuất bản bốn Sãi Vãi anh bạn làm được ba chuyện: 1. Kỷ niệm đệ nhị bách chu niên một tác phẩm lịch sử.....” (trang X). Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật “Nguyễn Cư Trinh với quyển Sãi Vãi”, In lần thứ I, Tân Việt - Saigon. Bức thư thay lời tựa.

hành những cải cách đáng kể (thi cử ăn mặc) nhưng tuyệt nhiên không có những cải cách về quân sự, gần như mọi người đều quên cảnh chiến tranh trước đây. Đâu đâu cũng phô bày cảnh tận hưởng sang giàu. Trong phủ chúa Nguyễn Phúc Khoát và dinh thự của thuộc hạ, theo Lê Quý Đôn, trong *Phủ Biên Tạp Lục* 撫邊雜錄, cảnh yến tiệc xa xỉ và đồ quý giá đã trở nên thường tình, phương bắc đã có các lũy Trường Dục và Nhật Lệ cản ngăn, miền Nam thì dễ dàng mở rộng. Mọi người chỉ thấy cảnh nhàn nhã, yên ổn, sung sướng trước mặt.

Nhưng khi Nguyễn Cư Trinh được cử làm Tuần Phủ Quảng Ngãi, thực tế mới bày ra: giặc Đá Vách hung dữ đánh phá chặn đường Nam tiến. Mọi người đang quen với thái bình giờ đây nhận chân nguy nan trước mặt nên chồn chân nản chí, ông thấy cần phải động viên tinh thần các giới để cứu nước, ông viết quyển Sãi Vãi.

\* Động viên bằng cách chỉ về hướng Nam và coi đây như con đường độc nhất để mưu tìm cuộc sống của nhân dân Nam Hà bởi vì các đường khác đã bị chặn hết rồi, phía Tây dãy Trường Sơn điệp điệp trùng trùng, phía Bắc quân Trịnh án ngữ, phía Đông biển cả mênh mông ...

*“Tây phương không đường tới,  
Bắc Phương khó nẻo qua.  
Có một đường chẳng gần chẳng xa.*

*Nhưng mà ngặt nhiều mọi Đá Vách”.*

Tiến về phía Nam tìm sanh lộ để giải quyết vấn đề đất đai cần cỗi chật hẹp và núi non hiện tại. Việc đánh quân Đá Vách, do đó không phải chỉ thuần là một công cuộc bình định mà còn là việc mưu tìm cuộc sống.

\* Động viên bằng cách vạch ra sự ác độc dã man của người Đá Vách đối với dân Việt:

*“Trông càng lạc phách,  
Nhớ đến kinh hồn.  
Nó chém người như trùn,  
Nó giết người như rận....”*

Sự ác độc này có lý do, người Đá Vách những năm mất mùa, đói kém, lụt lội nên bắt buộc phải hành động như vậy để tìm đường sống<sup>1</sup>. Người Nam Hà trong khi trừ người Đá Vách chỉ cũng giải quyết cuộc sinh tồn cho chính họ.

Ta thấy ngay đường lối khôn khéo của Nguyễn Cư Trinh trong vấn đề này. Ông *“Cho lập Quảng Ngãi đồn dinh với sáu đạo lo nghiêm việc canh phòng. Ông cho cất trại, mở đồn điền, làm kế như ở lâu, “Người Đá Vách” thấy thế hoảng sợ ra đầu thú. Bấy giờ ông mới vỗ về”*<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem Paul Nur - *Sơ Lược Về Chánh Sách Thượng Vụ Trong Lịch Sử Việt Nam* - Phủ đặc Thượng Vụ ấn hành, trang 41.

<sup>2</sup> Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật - sách đã dẫn, Trang 31.

Thực hiện cách thế này Nguyễn Cư Trinh đã thấy được nguyên do của việc nổi loạn, của sự dã man. Ông trị không bằng cách giết chóc trả thù, ông khôn khéo hơn: vỗ về và giải quyết nguyên do sự bất mãn của họ. Sử chép ông dâng lên vua những phương cách làm cho dân chúng bớt khổ<sup>1</sup>.

\* Động viên bằng cách đề cho mục Vãi, một người đàn bà tu hành nhưng cũng ý thức được vấn đề sinh tồn của quốc gia trong lời tuyên bố hăng say rằng phải giải quyết vấn đề, rằng trách nhiệm của người cai trị ở chỗ phải lo ngay từ khi có thể lo được:

*“Trong kinh có chữ: Nhung địch thị ung<sup>2</sup>”*

\* Động viên bằng cách nói lên sự trường tồn của dân tộc - tượng trưng bằng sự trường tồn của Chúa - không phải bằng lời tụng niệm mà bằng cách thế khác:

*“Nguyễn Hoàng gia cơ Nhạc thọ san, Chúc quốc tộ an như bàn thạch<sup>3</sup>.”*

---

<sup>1</sup> Xem Lê Ngọc Trụ, sách đã dẫn, trang 39 - 41

<sup>2</sup> Thành ngữ này có nghĩa đối với các nhóm hung, địch thì mình phải hết lòng đánh dẹp. Trong tuồng hát bội Tam quốc, hồi 94, trang 6 có câu: *Nhung địch thị ung kim đại phán, lỗ công nguyện tảo tẩu hoàng đô.*

<sup>3</sup> Ý tưởng “Về phương Nam” và phương sách trường tồn nhà Nguyễn được Nguyễn Cư Trinh vạch rõ trong một tờ sớ dâng lên Chúa Nguyễn Phúc Khoát để trình bày chiến lược và



Và sự trường tồn đó ở trong cảnh thanh bình  
thạnh trị, dân chúng an vui:

*“Giang san cũ đăm về đất Việt,  
Điền tịch xưa dựng lại thành Nam.  
Chốn chốn đều tư chỉ tư cam,  
Nhà nhà hỹ tử xương tử xí.*

---

chiến thuật khi cần phải giải quyết một vấn đề thực tế: trường hợp Nặc Nguyên.

“Từ xưa, sở dĩ dùng đến binh chẳng qua là muốn giết đũa kỳ khôi, mỡ mang bờ cõi mà thôi. Nay Nặc Nguyên đã hỏi lỗi nộp đất xin hàng, nếu tìm mãi sự giả dối của nó, thì nó sẽ chạy trốn. Thế mà từ Gia Định đến thành La Bích đường xá xa xôi, không tiến đuổi đến cùng. Muốn mở mang đất đai trước hết phải lấy hai phủ này để củng cố mặt sau cho hai doanh (Phiên Trấn và Trấn Biên). Nếu bỏ gần cầu xa, e rằng hình thế cách trở, quân dân không tiếp xúc, lấy được thì dễ mà giữ thực khó. Năm xưa mở mang đất Gia Định trước hết mở mang đất Hưng Phúc (Biên Hòa) rồi đến Lộc Dã (Đồng Nai) khiến cho quân dân đông đủ rồi sau mới mở đến Sài Gòn. Đó là kế tầm ăn dâu vậy.

Nay đất cũ từ Hưng Phúc đến Sài Côn chỉ hai ngày đường dân cư còn chưa yên ổn, quân giữ vẫn còn chưa đủ hưởng chỉ từ Sài Côn đến Tầm Bôn, xa sáu ngày, đường địa rộng rãi, dân số đến vạn người, quân đóng giữ trật tự chưa đủ. Thần xem người Côn Man giỏi thuật bộ chiến, người Chân Lạp cũng đã e sợ. Nên cho họ ở đất ấy để họ chống giữ người Man đánh người Man cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân Lạp chuộc tội, lấy đất hai phủ ấy ủy cho phiên thần xem xét tình thế, đặt thành trại đóng quân, chia cấp ruộng đất cho quân lính và nhân dân, vạch rõ biên giới cho lệ và châu Định Viễn để thu lấy toàn khu”. (Đại Nam Thực Lục Tiền Biên)

*Già chống gậy đến xem thuận trị,  
Trẻ ngậm cơm mừng đặng thái bình.  
Nước sông vàng lẻo lẻo dòng xanh,  
Dân con đổ hây hây ngời rạng.  
Chợ không ra giá bán.  
Đường chẳng mất của roi...”*

Tư tưởng trong “*Sãi Vãi 仕媿*” không mới lạ, có thể nói đây là tư tưởng Tống Nho, trước ông đã có người nói một cách tương tự rồi: Hàn Dũ ở Trung Hoa, Trương Hán Siêu ở Việt Nam. Giá trị chỉ ở chỗ ông đã nêu lên, đã đặt thành vấn đề, trong giai đoạn lịch sử cần thiết có sự đặt thành vấn đề.

a. Bài xích những người tu hành giả dối.

Thời này, chuyện binh đao tuy chưa xảy ra nhưng lúc nào cũng như treo trên đầu người và sẵn sàng hiện đến. Khoảng năm 1751 - 1752, Chúa Trịnh Doanh ở đất Bắc giả vờ mượn đường Trấn Ninh của Nam Hà để đánh dẹp Lê Duy Mật, nhưng thật ra cốt ý do thám binh tình của Chúa Nguyễn. Và lại lúc này quân Trịnh rất tinh nhuệ và được điều khiển bởi một Chúa giỏi việc quân. Chính Trịnh Doanh đã dẹp tan quân khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu ở Nghệ An, quân khởi nghĩa Nguyễn Doanh Phương ở Thái Nguyên, mặc dầu Phương hùng cứ tại đây gần mười năm trời. Nguyễn Cư Trinh biết rằng nếu không đề cao cảnh giác, để

nhân lực bị phí phạm cuối cùng Nam Hà sẽ bị mất về tay Chúa Trịnh, do đó ông cực lực bài xích những hình thức không ích lợi cho giai đoạn: tu niệm.

Ta còn thấy rõ hơn khi ông xét đoán về bổ phận đối với quốc gia của hạng người này: núp áo nhà chùa để trốn tránh nhiệm vụ thông thường của người dân đương thời. Đành rằng Chúa dành cho nhà Tu những đặc quyền, nhưng cũng vì vậy vô tình tạo nên một lớp người trốn xâu lậu thuế, vô tích sự:

*“Sãi người trong nước,  
Sãi chẳng có xâu bơi<sup>1</sup>.  
Sãi sánh ở dưới đời,  
Sãi cũng không thuế viết.”*

---

<sup>1</sup> “Mỗi năm vào khoảng tháng 3, tháng 4, quân nhân đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn để giải về phủ sung quân; vào quân đội rồi mỗi người bắt chuyên học nghề, kế phân phái đi theo các chiến thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở hầu Vương phủ làm xâu; tuổi chưa đến 60 chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ, hàng năm thân thích đem quần áo vật thực đến thăm mà thôi ... cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên liền cho con vào chùa làm Sãi hầu mong trốn tránh việc quan; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, Phật pháp trở nên hỗn loạn”. (Thích Đại Sán - *Hải ngoại ký sự* 海外記事)

Câu nói của ông Sãi như một lời tố cáo của Nguyễn Cư Trinh, nhưng qua cách nói của ông Sãi người đọc nhận chân được vẻ gì tự đắc, tự tôn đến lộ bịch, chán ngấy, đủ thấy thời đó hạng người lợi dụng sự tu hành để thỏa mãn ý riêng của mình không phải không có. Và hạng người này cũng cho hành động của mình như một cách thể tránh né những khó khăn cực nhọc sáng suốt khôn ngoan. Dĩ nhiên người như vậy cách tu của họ phải vị lợi, vị kỷ chưa phải thuộc hạng tu chân chính, thất tình lục dục của họ còn tràn đầy, tu chỉ như một cách thể để sinh sống như những nghề khác. Có thể bảo bọn tu hành này dựa cảnh chùa như tấm bình phong để thỏa lòng dục.

Bởi vậy, khi gặp gái, mặc dù gái đã xuất gia tu hành, bọn chúng cũng giở trò tán tỉnh, dụ dỗ, ca tụng tâng bốc về nhan sắc, khuyến dụ bỏ dở đường tu niệm để cùng họ hưởng những lạc thú làm ô ứ chốn thiên môn:

*“Sãi yêu vì đạo,  
Sãi dẫu vì dươn  
Thấy mụ Vãi nhan sắc có hơn,  
Cho Sãi tu hành kéo thiệt.  
Khoan khoan! Chưa biết Vãi ở chùa nào ?  
Thanh tân mà liễu má đào,  
Đẹp đẽ mắt sao da tuyết.  
Lòng người dầu thiết,  
Thời đạo cũng đặng gần.*

*Qua Tây Phương còn cách trở hang thân,  
Sau phương trượng lại sẵn sàng bàn Phật  
Ngoài che sáo nhật,  
Trong phủ màn thưa.  
Lạnh thời có mền bát ti,  
Nực thời có quạt lục phủ.  
Chiếu du trơn như mỡ,  
Thuốc lá ướp hoa ngâu.  
Rượu hồng cúc ngào ngào,  
Trà tiên thơm phức phức.  
Sẵn đồ sẵn đạc,  
Sẵn Vải sẵn thầy.  
Liêu sau cũng gần đây,  
Vào cùng Sãi đặng tu hoài tu hủy”.*

Lời dụ dỗ của ông Sãi tu kiêu Lỗ Trí Thâm như trên tuyệt diệu và sành sỏi, cho thấy rằng họ đã quen những trường hợp như vậy. Trước hết vượt ve lòng tự ái của người đối diện rồi vạch cho thấy sự khó khăn trong việc tu hành, cuối cùng trình bày sự sung sướng sẵn sàng trong hiện tại để dễ dàng lung lạc.

Ngoài ra cách sống của bọn tu hành, qua lời ông Sãi tự gán cho mình - nhưng thật ra để ám chỉ bọn tu hành giả dối thời đó - cho ta thấy sự xuống dốc thật sự của một vài phần phần tử thuộc giới tăng lữ ở Nam Hà: tham lam về đủ mọi mặt, tham ăn, ăn những thứ cấm đoán, tham dâm, thực hành rồi phủ tay tránh tiếng, tham tiền, tham cờ bạc.

Tóm lại, những giới răn của nhà chùa bọn này đều phạm phải và phạm thật nặng. Hành vi của họ chúng ta không thể tưởng tượng nổi. Chẳng hạn:

*“Sãi lại sắm một cái phương trượng,  
Để sau liêu vắng một mình.  
Trên mặt thời rộng thình,  
Dưới ngăn thời sâu chẹt  
Đương thời com lạt, Bồn đạo vừa đến nơi.  
Nghe tiểu đồng tăng hắng tiếng lên,  
Mấy đĩa thịt Sãi tu quăng vào đó.  
Sãi lại sắm một cái vườn nho nhỏ,  
Ở tốt xa xa.  
Để phòng khi bốn đạo ghé ra,  
Phép khiến Sãi khoanh tay mà ngồi vậy.*

Có thể nói những hành động này có tính toán, có dự trù và tổ chức khác với những lỗi lầm do sự yếu mềm của lý trí. Sự dự trù được chứng tỏ khi ông Sãi tạo dựng những phương tiện để che dấu tội lỗi của mình: có bàn kín phía dưới để che giấu com thịt, có nhà trong vườn ở xa xa để cho đàn bà chữa ghé, có sập để đánh cho môi khô tái khi thua bạc...

Như vậy, tội lỗi này thực hiện có dự mưu có sự biểu đồng tình của lý trí, được hành động bởi những người biết rằng tội nhưng vẫn bước chân vào.

Đó là về mặt đạo hạnh, tội lỗi còn có thể che mắt thế gian, còn có thể dùng lớp áo để làm thành

## thầy tu. Thầy tu giả dối thời Nguyễn Cư Trinh<sup>1</sup> quá

<sup>1</sup> Người tu giả dối ở Nam Hà bị đả kích chuyện gần như liên tục:

\* Tuồng *San Hậu* 山后 có những câu sau:

Sãi xướng:

*Trốn lính đi tu, lánh thuế vua,  
Ngày đêm chuyên giữ chống chuông chùa.  
Kinh kệ mấy câu giai (đều) bất biết,  
Cháy xôi ních hết bụng chang bang.*

(Lại nói) Như tôi đi tu với ông Ngu ni, nói cho phải:

*Tuy chẳng phải như ông thầy cả,  
Song cũng đã dựa cốt phật bà.  
Bốn mùa mặc những áo già,  
Tám tiết ăn ròn rau muống.  
Đi tu có giới cấm,  
Nhất giới sát sinh,  
Nhị giới ẩm tửu,  
Tam giới hoặc ngôn,  
Tứ giới thông đạo,  
Ngũ giới tà dâm.*

Cấm thì cấm vậy mà thôi, thương hại cho tôi:

*Giở bình tương nghĩ tới thịt heo,  
Gấp rau muống nhớ mùi mắm ruốc.  
Gái mười bảy lịch nên quá lịch,  
Cúng bữa rằm làm Sãi ngẩn ngơ...*

\* *Tư Dung Vãn* cũng tương tự (xem Đào Duy Từ).

\* Thế kỷ XIX tuồng *Trần Bô*:

Dạ Tăng:

*Đạo tu hành ngụ chốn am thanh,  
Dấu ấn dật nương miền làng hạnh.  
Vì muốn thoát khỏi râu khỏi lính,  
Nên phải đi làm sãi làm thầy.  
Khi một mình chẳng dụng cơm chay,*

quắt hơn, họ phạm lỗi ngay trong hình hài. Họ để ý đến bóng sắc mình, lo chau chuốt thân thể, tìm cách làm sang làm đẹp. Y phục đắt tiền, vật trang sức quý giá đôi với họ cần thiết hơn kinh kệ mõ chuông. Những thứ này nếu thiếu sẽ sắm sau, nhưng áo quần, quạt, khăn, kẻ hầu người hạ, cần phải sắm trước:

*“Nhiều đại đóa, Sãi sắm một cái quần cho tốt,  
Bố cát tào, Sãi sắm một cái áo cho xuê.  
Nón kiểng hàng, Sãi sắm một cái xinh ghê,  
Quạt ban trước, Sãi sắm một cây cho báu riết.  
Giày kinh hài, Sãi sắm để mà đạp tuyết.  
Khăn bích cân, Sãi sắm để mà bịt đầu.  
Sắm một đĩa đạo chúng con con cấp ống điều  
cho mâu.*

*Sắm khăn vải kiền nho nhỏ, cột dây chơi cho  
ngỏa.*

*Chợ nào đông bạn hàng các ả.  
Xóm nào nhiều bốn đạo các dì.  
Sãi một tu lại tu đi,  
Sãi một tu lên tu xuống.”*

Hành động của Sãi không khác gì mấy công tử con những vị điền chủ vài chục năm trước đây, có khác chăng công tử sau này nhờn nhờn do tiền của cha mẹ, còn thầy Sãi thời Nguyễn Cư Trinh là lướt nhờ của thập phương ...

---

*Thuở đông chúng phải ăn đồ lạt.*



b. Chống lại sự tu hành, lánh đời, vô ích với thực tế.

Không phải Nguyễn Cư Trinh chỉ bài xích người đi tu dựa thế vào chùa trốn xâu lậu thuế, nhưng lòng còn đầy thất tình lục dục, ông còn đi xa hơn: đả kích ngay chính sự tu hành đúng nghĩa.

Sự tu hành đối với thời sinh lộ của quốc gia đang bị chận, vào lúc địch phía Bắc lúc nào cũng dòm ngó, cũng trông chờ dịp tiến quân vào đánh phá<sup>1</sup> không thể chấp nhận được.

Tu để thành tiên theo Nguyễn Cư Trinh chỉ là công việc của một người muôn thuở thành một người núi, người rừng, người không thực tế, tu để thành Phật, theo ông cũng là một người xa rời cuộc đời hiện tại để thành người ngơ ngơ ngác ngác không biết gì hết:

*“Mượn danh là Phật,  
Chữ Phật là chữ **phát**, chữ **nhơn**.  
Luận lý cho chơn,  
Là **phát tri nhơn sự**.”*

---

<sup>1</sup> Có lần Chúa Trịnh gởi thơ cho ông để mượn đường đi đánh loạn Lê Duy Mật, thật ra để dò dẫm đất đai, cũng như thừa cơ đem quân vào Nam, ông đã viết thơ từ chối.

<sup>2</sup> Chiết tự chữ Phật 佛 = 人 (nhân) + 弗 (phát). Thật ra công kích bằng kiểu chiết tự này không đúng vì gượng ép.

Ngoài ra dầu tu thật sự, những người này không phải đi tu từ một ý hướng tốt, không thí phát vì thâu lễ huyền vi của đạo, vì có một triết lý về cuộc đời... mà vì sự thúc đẩy bởi sự kinh hoàng về địa ngục. Bọn người này thật ra đã có lòng *dục* ngay từ lúc đi tu:

*“Tham thiên đường, phải giữ lòng thành, Sợ địa ngục nên chừa thói dũ”*

Tu như vậy cũng chỉ là lối tu của người trung trí<sup>1</sup>.

Bọn hạ trí còn ngu dốt hơn, say mê việc tu hành bỏ quên dân tình, ham trường sinh bất tử khiến cho dân chúng lao nhọc, nhưng cuối cùng cũng không thu thập được gì ngoài tiếng ta thán của nhân dân:

*“Kìa như Lương Võ Đế,  
Đã đáng cao minh,  
Nọ như Tần Thủy Hoàng,  
Đã nên trang hung bạo<sup>2</sup>.  
Tham lam vì đạo,  
Lặn độn tìm Tiên.*

---

<sup>1</sup> Thường người ta gọi bọn tiện nhân là bọn hạ trí, người đại trí mới là người xứng đáng, bọn trung trí chỉ mới là người bình thường chưa có gì đáng khen, so sánh với hạ sách, trung sách, thượng sách khi nói về phương cách.

<sup>2</sup> Hán Võ Đế (140 - 87 trước DL) về cuối đời say mê đạo lão, cất cung điện cho các đạo sĩ ở khiến dân chúng phục dịch rất khổ sở.

*Mệt sức người mà thiên hạ chịu lao phiền,  
Hao của nước mà muôn dân kêu đồ khổ<sup>1</sup>.  
Trăm chước tu hành thì có,  
Mấy lông chứng nghiệm vốn không.”*

Tu như vậy, theo Nguyễn Cư Trinh vô ích bởi vì khi gặp chuyện cần thiết, khi gặp tai nạn cần phải giải tỏa, người tu hành không làm được đã đành, đáng thiêng liêng cũng không hiện lên để cứu độ được, người tu do đó chịu cảnh khổ sở riêng mình:

*“Tống Đạo Quân đời nào tu cho hơn  
Lương Võ Đế đời nào tu cho kịp.  
Bại ải Bắc sao Phật chẳng ra mà cứu cấp.<sup>2</sup>  
Ngạ Đài Thành sao Phật không đến trợ nần  
?”<sup>3</sup>”*

Thật ra Võ Đế không chết đói, Nho gia bịa chuyện chết đói để đả kích đạo Phật. Nguyễn Cư Trinh cũng theo những người này. Nhân đây, ta thấy vì quá bảo vệ quan điểm của mình, Nguyễn

---

<sup>1</sup> Tàn Thủy Hoàng sai đạo sĩ Từ Phước dẫn một nhóm người sang Đông Hải tìm đảo Bồng Lai để kiếm thuốc trường sanh. Nhóm người này đi mất tích luôn.

<sup>2</sup> Tống Huy Tông (1101 - 1126) có hiệu là Đạo Quân rất sùng đạo Phật, sau bị Khiết Đan đánh vào kinh đô, bắt đem lên Mạc Bắc.

<sup>3</sup> Lương Võ Đế (502 - 550) sùng đạo Phật, tinh cao tăng ở Ấn Độ về truyền đạo cho dân Trung Quốc, sau bị Cảnh Hậu vây ở Đài Thành, chịu đói đến chết.

Cư Trinh nếu cần cũng vận dụng đến những thí dụ không đúng lắm để khôi hài hóa đạo Phật...

Trong một tuồng của Đức Cố Quản Trần Văn Thành, viết khoảng 1849 có một đoạn luận về cách tu chống lại Nguyễn Cư Trinh như sau:

“Đến nay ta mới nhắc lại việc tu hành từ cổ chí kim, những việc tu làm sao, hoặc là thượng trí tu hoặc là hạ trí tu cho nên mới nhắc lại việc tu trước thời mới biết việc sau.

Thuở trước Lương Võ Đế người tu lập bảy mươi hai kiếng chùa đến ngày ngã tử tại thiền (chết đói tại thành) Phật bất ly (lai) cứu. Ấy vậy người cũng phải xét lại. Phật bất ly cứu cũng phải đó mà.

Cứu làm sao! Của thập phương tín cúng, mà mình tu cho mình, ấy làm vậy chẳng vô tình lắm”.

\*\*\*

Chê trách những người tu hạ trí và trung trí, Nguyễn Cư Trinh đề cao cách tu thượng trí, tu hành theo đường lối Tống Nho, cốt là ích quốc lợi dân bằng cách luyện tập thao lược, sửa quốc gia, trau dồi nhân đức để cảm hóa dân chúng, cách tu đáng bắt chước ngày xưa Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang đã thực hiện:

*“Tu quyền tu binh, tu kỹ tu cương.  
Trên thì tu Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang.  
Dưới thì tu kinh luân thao lược”.*

Việc tu này không phải “ngồi luận đạo vị” bởi vì “*chẳng ích chi cho nước*”, trái lại phải sửa đức sửa nhân để quốc gia thịnh trị:

*“Có tu đức thì thiên hạ mới trị yên,  
Có tu nhân thì cơ đồ mới củng cố”.*

Nhưng sửa đức, sửa nhân (tức tu văn) luyện thao tập lược (tức tu võ) không phải lúc nào cũng đem ra thực hành được, phải biết thời biết thế, lúc nào cần tu văn, lúc nào cần tu võ. Nguyễn Cư Trinh, vạch ra điều đó:

*“Thuở thái bình, yển võ tu văn,  
Cơn bát loạn, yển văn tu võ”.*

Tư tưởng cốt yếu của Nguyễn Cư Trinh nằm trong hệ thống ý thức hệ Tống Nho, nói cách khác tư tưởng Khổng Mạnh được sử dụng tối đa trong việc giúp đời, giúp nước cốt cho quốc gia hùng mạnh. Bởi vậy ông sẵn sàng chê trách những tư tưởng của các học phái khác, Phật giáo và Lão giáo gánh chịu đầu tiên. Những tôn giáo này đối với Tống Nho hủ hậu không thực tế, không ích quốc lợi dân còn làm quốc gia suy vi. Xưa Hàn Dũ đã chê đạo Phật và bài xích đạo này một cách kịch liệt, ở Nguyễn Cư Trinh sự bài xích còn cao hơn một bậc, ông đã phá từ căn bản vì người tu có lòng dục ở chỗ họ đã *mơ thiên đường*. Ông còn hài kịch hóa trong việc chiết tự một cách méo mó để giải thích các đối tượng cao quý của đạo này là Tiên - Phật. Tiên đáng lẽ được coi là người nhân nhã, thánh

thời, lòng không vương bận chuyện đời, lánh tục ẩn trên núi thì Nguyễn Cư Trinh coi như người núi; Phật đáng lẽ được coi là người không còn ước muốn nào, cho cuộc đời như ảo ảnh thì Nguyễn Cư Trinh lại nói là người không hiểu chuyện đời.

Tư tưởng Dương Chu, Mặc Định ông cũng đã kích. Một đàng quá vị Ngã để chỉ biết riêng mình, một đàng quá vị Tha để chịu tất cả khổ sở nếu có lợi cho người khác. Vị ngã bị chỉ trích đã đành, vị tha cũng không chấp nhận được vì sự quá khích và không hợp thời hợp thế. Phải hành động thế nào lợi nước, lợi nhà, chớ không phải lợi cho một người hay lợi cho một số đông ...

Sự chống đối các học thuyết khác và đề cao cách thế giúp đời là tư tưởng của Nguyễn Cư Trinh đồng thời tượng trưng cho nổi ưu tư luôn luôn ám ảnh ông. Hai câu thơ trong bài *Long Hồ ngộ bệnh* của ông gói ghém niềm lo lắng đó:

五九浮名又一年

無能偏有武侯煩

*Ngũ cửu phù danh hựu nhất niên,  
Vô năng thiên hữu Võ hầu<sup>1</sup> phiền.*

---

<sup>1</sup> Võ Hầu, chỉ Gia Cát Lượng, Tư Mã Ý nói về ông có câu: *Gia Cát công thực thiếu, sự phiền tất bất cứu hi*: Ông Gia Cát ăn ít mà làm việc nhiều tất không thể sống lâu.

= Bao nhiêu năm nay trong phù danh lại thêm một năm nữa. Mình đã vô tài và mang cái ưu phiền của Võ hầu.

Ông lo lắng, đến sự bành trướng của miền Nam, lo lắng vì người thờ ơ với quốc gia quá nhiều, vì người dân lâm vào cảnh khổ sở ... Trong bài *Long Hồ đại phong kỷ hoài*, ông đã than thở:

...

回首肇豐萬重水  
傷心定遠一千家  
千家流到蠻夷土  
水多鱷魚陸蛇虎  
新田不足吏人求  
漏屋况為風波怒  
記非赤跡三年東  
又非睢水扶乃公  
蛭蝦得浪隱樑棟  
舸艦牽人沒水宮

... *Hồi thủ Triệu Phong*<sup>1</sup> vạn trùng thủy,

---

<sup>1</sup> Phủ Triệu Phong theo Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An viết thời Mạc, ngay trước thời Trịnh - Nguyễn, là một phủ lớn gồm 2 huyện phía nam Quảng Trị, 3 huyện gồm toàn bộ tỉnh Thừa Thiên Huế ngày nay, và huyện Điện Bàn sau này là tỉnh

Thương tâm Định Viễn nhất thiên gia.  
Thiên gia lưu đảo man di thổ,  
Thủy đa ngạc ngư, lục xà hồ.  
Tân điền bất túc lại nhân cầu.  
Lậu ốc hướng vi phong ba nộ.  
Ký phi xích tích tam niên đông,  
Hựu phi Tuy Thủy phù nãi công.  
Điệt hà đắc lãng ân lương đống,  
Khả hạm khiên nhân một thủy cung.

Dịch nghĩa:

Quay đầu nhìn lại Phủ Triệu Phong ngập  
chìm trong nước.

Thương hại hàng ngàn căn nhà ở châu Định  
Viễn bị nước cuốn đến xứ Miên

Người dân khổ sở vì dưới nước có cá sấu,  
trên bờ thì rắn, cạp

Trong khi đó khai khẩn đất đai, thì huê lợi  
không đủ cho bọn lính lại yêu sách phiền nhiễu.

Nhà đã dột lại còn gặp cuồng phong.

Nghĩ mình không tài như Chu Công<sup>1</sup> ngày  
xưa để giúp dân.

---

Quảng Nam. Tên phủ Triệu Phong vẫn tồn tại tới khi Minh Mạng chia lại địa giới các tỉnh gần như ngày nay. Ở đây Nguyễn Cư Trinh có ý lấy vùng kinh đô (Triệu Phong) đổi với vùng biên thùy (Định Viễn).

<sup>1</sup> Khi Thành Vương còn nhỏ, Chu Công giúp việc nhiếp chính, Bọn Quan Thái ghen ghét nên gièm pha, ông từ chức sang ẩn cư phía Đông 3 năm, ở đây ông mang giày đò (xích tích). Đến năm thứ ba trời thổi gió ngã rạp lúa, dân không gặt



*Mình cũng không phải là người tài để giúp đỡ Chúa<sup>1</sup>*

*Khiến cho bọn hạ tiện nhân dịp mà lên mặt lên mày<sup>2</sup>.*

*Thuyền bè bị nước cuốn, người chìm dưới dòng nước.*

.....

Nổi dằng dặc trong lòng Nguyễn Cư Trinh, và cũng là điểm đặc biệt ở con người ông là sự thất mắ trong việc tìm một phương thức làm sao cho Nam Hà hùng cường. Bởi vậy khi được dịp ông liền dâng lên Chúa những suy nghĩ của mình. Có lần ông tâu sớ kể rõ 4 điều tai hại do quan lại địa phương tạo nên và đề nghị cách giải quyết, nhưng sớ dâng lên không có tiếng vang nào, ông thất vọng nên từ chức<sup>3</sup>.

Điều này cũng tạo thêm lý do khiến ông mang tâm sự buồn, tâm sự của người riêng mình

---

được, vua cho rước Chu Công thì gió thổi nghịch lại lúa trời dẫy..

<sup>1</sup> Cao Tổ nhà Hán bị Hạng Võ đuổi đến sông Tuy Thủy và gần bị bắt, may nhờ gió thổi thuyền của Hạng Võ trở lại, Cao Tổ mắng Tự Lịch Cơ là người bày mưu đánh trận này: “Tên hủ nho kia, suýt nữa thì làm hại ông”.

<sup>2</sup> Ở đây chúng tôi dịch ý, nguyên nghĩa: Tôm cua nhân dịp nước lên đã ẩn trên rường cột nhà. Thuyền bè bị nước cuốn, người chìm dưới dòng nước...

<sup>3</sup> Xem Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật, sách đã dẫn, trang 39 - 41.

sống với nỗi lo lắng, không người đồng chí, chẳng ai hiểu mình.

Đọc thơ chữ Hán của ông, ta thấy những câu đại khái như:

世事榮枯柰若何

*Thế sự vinh khô nại nhược hà?*

= *Chuyện thế thiệt hơn biết thế nào?*

(Long Hồ đại phong kỷ hoài)

hay ở một chỗ khác:

*Gió rét ở cửa ải thổi vào con ngựa mỗi mệ,*

*Mảnh đất Trùng An cùng với người bẽ tôi trợ*<sup>1</sup>.

(Ái thượng ngâm)

hoặc:

*Gan ruột không phải là chiếu trải ra, thà*  
*cuốn lại.*

*Thân thế như cái áo cũ (lúc nào cũng thua*  
*mới)*

*Lâu năm chường lệ thường ghen khách,*

*Nhưng bóng thiêu quang xa xôi cũng vẫn*  
*theo mình*<sup>2</sup>.

(Xuân nhật ký hoài)

---

<sup>1</sup> Xem chú kế tiếp.

<sup>2</sup> Chúng tôi không tìm được nguyên văn nên dùng tài liệu của nhóm Văn Tân và cả phần dịch mấy câu trên. Xin cho gọi lời cảm ơn.

Ta có thể không chịu được sự quá khích của Nguyễn Cư Trinh khi đả kích Phạt, Lão, Mặc Dịch, Dương Chu, ta có thể bất bình về việc ông không thành thật trí thức khi lý luận bài xích phe đối lập (cô tình chiết tự sai, khôi hài hóa ông Sãi, dùng tích đã bị sửa đổi) nhưng ta cũng vô cùng cảm phục tấm lòng ưu ái của ông đối với quốc gia, và không thể không cảm động khi nghe ông than thở sự bất lực và nỗi cô đơn của mình.

Cho đến ngày nay, Nguyễn Cư Trinh vẫn còn giữ địa vị một hình bóng lớn trong văn học cũng như giữ một vai trò quan trọng trong việc gây dựng ý thức phát triển miền Nam<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Thành phố Sài Gòn trước đây có con đường Nguyễn Cư Trinh, hình như tới giờ này cái tên đường đó vẫn còn, mới biết rằng tư tưởng và thái độ của Nguyễn Cư Trinh được kính trọng bởi những chính quyền khác nhau...

## SÃI VÃI TÂN LỤC QUỐC ÂM DIỄN CA

(Nguyễn Cư Trinh)

Máy mắn được một nhà nho ở Chợ Mới (An Giang) biểu cho một tập văn Nôm chép tay trong đó có bản “*Sãi Vãi Tân Lục Quốc Âm Diễn Ca*” này, chúng tôi xin phiên âm giới thiệu học giới như một tài liệu để tiến đến một bản “*Sãi Vãi*” chính xác. Bản phiên âm này khác với bản Chéon và khác xa với bản Giáo sư Lê Ngọc Trụ: có nhiều chữ dùng đặc địa nâng cao giá trị kỹ thuật của tác giả. Bản này chỉ có “*năm tình*” vui, yêu, thương, ghét, giận, thiếu mất hai, chúng tôi cứ phiên âm như một tài liệu.

Số Á Rập ở trong ngoặc đơn (..) đặt ở đầu câu chỉ số trang của bản Nôm.

*Sãi viết:*

- (1) Kiến tánh ôi quân tử,  
Minh tâm ấy kẻ trượng phu.

Thờ Phật như thờ Chúa Đường Ngu,  
Làm nam tử là tôi Tắc Khiết.  
Giang san cũ đam về đất Việt,  
Điền tịch xưa dựng lại trời Nam.  
Chôn chôn đều tư chỉ tư cam.  
Nhà nhà hãy tử xương tử xí.  
Già chống gậy đến xem thuận trị.  
Trẻ ngâm cơm mừng đặng thái bình.  
Nước sông vàng lẻo lẻo dòng xanh  
Dân con đỏ hây hây ngời rạng.  
Chợ không ra giá bán.  
Đường chẳng mất của rơi.  
Đời đã đáng <sup>(1)</sup> đời.  
Thú dầu vui thú.  
Tôi nay Sãi khó.  
Mừng đạo tu trì  
Lòng từ bi mộ đạo Thích Ca.  
Đầu Phật pháp vui lòng trai <sup>(2)</sup> giải.  
Tiêu dao cõi ngoại.  
Nong nả trần trung.  
Tương dưa đòi bữa no lòng,  
Bô vải miễn đà ẩm cật.  
Màn trời chiếu đất,  
Gấm tợ am thanh.  
Đạo Như Lai càng thốt càng lành,  
(2). Câu giáo hữu thoát ngâm thoát lạ <sup>(1)</sup>.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết chữ *đán* 旦.

<sup>2</sup> Bản Nôm sai thanh TỀ.

Dựa màu thiên Bát Nhã,  
Lần chuỗi hột Bột Đê.  
Trỗi mộc ngư tụng kệ canh chầy.  
Đà thạch xướng phân hương khi tối  
Ước siêu tam muội.  
Ngõ cứu cử huyền.  
Dạ lăm đèn mộc bồn thủy nguyên,  
Chí dốc báo càn khôn phúc tái.

*Vãi viết:*

Chẳng hay ông Sãi, quê quán ở phương nào?  
Lời đọc kệ rất cao,  
Đạo tu hành rất chói.

*Sãi viết:*

Lựa là phải hỏi, quê quán mà làm chi?  
Có phải đạo tăng ni  
Thời vào tu mà nhờ phận phước.  
Sãi người trong nước,  
Sãi chẳng có râu bơi.  
Sãi sánh ở dưới (²) đời  
Sãi cũng không thuê viết.  
Xưa Sãi biết chẵn dân muôn quận  
Xưa Sãi hay giữ việc nhà vàng.  
Già cảm ơn mãi mãi nhiều dương,  
Sãi sợ Diêm Vương  
Mới tu hành cho thoát khỏi,  
Sãi cũng biết giữ mình làm cội.

---

<sup>1</sup> Chữ *Thoạt* bản Nôm viết *thạc* theo giọng Nam. Chữ *Lạ* bản Nôm viết kém thành *lá*.

<sup>2</sup> Bản Nôm viết *xuống*.

Sãi cũng hay lấy đức làm tu hơn,  
Giữ mực thước cầm cân.  
Đánh roi cũng bì ngang chúng,  
Xưa lỗ bẻ lương đồng.  
Nay phải dụng lều mây,  
(3) Sãi đọc truyện lại cho Vãi hay.  
Họa là lòng có chuông,  
Mới tụng kinh vừa xuống.  
Nghe tiếng khánh giống lên,  
Ngỡ là chuông vua Hạ Võ chiêu hiền.  
Hay là mõ đức Trọng Ni thuyết <sup>(1)</sup> giáo,  
Sãi yêu vì đạo.  
Sãi dẫu vì dươn,  
Thấy mục Vãi nhan sắc có hơn.  
Cho Sãi tu hành kẻ thiệt,  
Khoan! Khoan! Chưa biết,  
Vãi ở chùa nào?  
Thanh tâm mảy liễu má đào.  
Đẹp đẽ mắt sao da tuyết,  
Lòng người dầu chí thiết.  
Thời đạo cũng đặng gần,  
Qua Tây phang còn cách trở hang thần.  
Sau phương trượng lại sẵn sàng bàn phật,  
Ngoài che sáo nhật.  
Trong phủ màn thưa,  
Lạnh thời có mền bát <sup>(2)</sup> tơ.

---

<sup>1</sup> *Thuyết* bản Nôm viết *thiết*, giọng Nam.

<sup>2</sup> *Bát* bản Nôm viết *bắc*, theo giọng Nam.

Nực thời có quạt lục <sup>(1)</sup> phủ  
Chiếu du trơn như mỡ  
Thuộc lá ép hoa ngâu.  
Rượu hồng cúc ngào ngào  
Trà tiên thơm phức phức.  
Sẵn đồ sẵn đạc <sup>(2)</sup>.  
Sẵn Vãi sẵn thầy.  
Liêu sau cũng gần đây.  
Vào cùng Sãi tu hoài tu hủy.

*Vãi viết:*

Lời sao nói ngụy  
Chẳng phải tách chơn.  
Tu làm sao lo thiệt lo hơn.

(4) Tu làm sao tham tài tham sắc?  
Ấy là bạc đức.  
Tu những điều chi?

*Sãi viết:*

Sãi cũng muốn tu trì  
Khôn thiếu đồ khí dụng.  
Thiếu chuông, thiếu trống.  
Thiếu kệ <sup>(3)</sup> thiếu kinh,  
Thiếu sửa, thiếu sinh.  
Thiếu tiêu, thiếu bặt .  
Thiếu bình, thiếu bát .

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết sai thành *ty* , hai chữ rất giống nhau về tự dạng.

<sup>2</sup> *Đạc* bản Nôm viết *đạt* , theo giọng Nam.

<sup>3</sup> Bản Nôm sai thành *hát*.



Thiếu đậu, thiếu tương.  
Thiếu bình hoa lư hương.  
Thiếu hoa đường liễn đối.  
Thiếu bệ son, bình sai.  
Thiếu thích trượng, cà sa.  
Thiếu hương thiếu hoa.  
Thiếu xôi, thiếu phật.  
Ấy là đồ vật  
Sãi hãy sắm sau.  
Các món kíp làm đầu.  
Sãi toan sắm trước.  
Nhiều Đại Đóa, Sãi sắm một cái quần cho tốt.  
Bố Cát Tào, Sãi sắm một cái áo cho xuê.  
Nón kiểng hàn, Sãi sắm một cái xinh ghê.  
Quạt ban <sup>(1)</sup> trước, Sãi sắm một cây cho báu

riết,

Giày kinh hài, Sãi sắm để mà đạp tuyệt.  
Khăn <sup>(2)</sup> bích cân, Sãi sắm để mà bịt đầu.  
Sắm một thằng đạo chúng con con, cặp ống  
điều cho màu.

Sắm khăn vải kiền nho nhỏ, cột dây chơi cho  
ngỏa.

Chợ nào đông bạn hàng các ả.

(5) Xóm nào nhiều bôn đạo các dì.

Sãi một tu lại tu đi.

Sãi một tu lên tu xuống.

---

<sup>1</sup> Ban (có vắn, có vắn), bản Nôm viết bằng. Trước tức là trúc  
đọc theo giọng Nam .

<sup>2</sup> Bản Nôm viết khăn.

Sãi lại sắm một cái phương trượng.  
Đề sau liêu vắng một mình.  
Trên mặt thời rộng thính.  
Dưới ngăn thời sâu chệt.  
Đương thời cơm lạt <sup>(1)</sup>.  
Bồn đạo vừa tới nơi.  
Nghe tiểu đồng tăng hắng <sup>(2)</sup> tiếng lên.  
Mấy đĩa thịt Sãi tu quăng vào đó.  
Sãi lại sắm cái vườn nho nhỏ  
Ở tốt xóm xa xa.  
Đề phòng khi bồn đạo ghen ra.  
Phép khiến Sãi khoan tay mà ngồi vậy.  
Sãi lại sắm tiền kang mà bỏ dẫy  
Gắn sấp chặt mép tai, lâm sòng<sup>3</sup> xú thua hoài.  
Phép khiến Sãi làm thính mà ngồi vậy.  
Sãi lại sắm một hai bình thuốc trắng.  
Năm ba đạo bùa mê.  
Sắm tiểu đồng cho hay tin đi tin về,  
Sắm cô Vãi cho khéo nói ngon nói ngọt.  
Phải nơi gái tốt;  
Mà lại nhiều tiền.  
Nó chẳng đến chùa chiền.  
Chớ dễ Sãi từ bi mà ngồi vậy?

*Vãi viết:*

Lời sao nói quái,

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết *lạc*.

<sup>2</sup> Bản Nôm viết *chữ khẩu bên chữ hán* (口+漢).

<sup>3</sup> Bản Nôm viết 雙, tạm phiên sòng.

Tai chẳng muốn nghe.  
Trí tuệ thông hoa nở Bồ Đề.

(6) Nhơn duyên đẹp trái đơm Ưu Bát.  
Tuy là mật thất.

Nào khác thông cù?  
Trời xa xa xem tỏ chẳng mù.  
Lưới lồng lộng bủa thưa chẳng lọt.  
Một lời lỗi luật.  
Muôn kiếp khôn đền.

Chôn Thiên Đường khoan khoan ông chớ  
bước lên

Miền Địa Ngục mau mau mà tìm xuống.

*Sãi viết:*

Mụ này vụng lượng.  
Chẳng biết hí ngôn.  
Chôn Thiên đường quân tử tu lên,  
Miền Địa Ngục tiêu nhân tu xuống.  
Vậy cho nên quân tử thời tu đức thẳng tài,  
Thờ vua thời tu ngay.  
Thờ cha thời tu thảo.  
Một lời thốt phải nhơn phải đạo;  
Ấy là tu ngôn.  
Một việc làm chẳng hại, chẳng tham.  
Ấy là tu hạnh.  
Lấy nhơn mà tu tánh.  
Lấy ngãi mà tu thân.  
Tu “Minh đức” để mà “Tân dân”  
Tu “Tề gia” để mà “Trị quốc”  
Ấy là trang hiện đức.

Người tu phải đạo tu.  
Ngoài thời tu khoan dĩ, ôn nhu.  
Trong thời tu hòa bình trung chánh.  
Tu cung tu kính,  
Tu tín tu thành.  
Mới phải đạo tu hành,  
(7) Càng thêm nhiều phước lý.  
Tự nhiên đắc lộc, đắc thọ, đắc ninh,  
Phú quý hiển vinh,  
Thiên đường là đó.  
Ấy là người quân tử.  
Tu lên thiên đường,  
Còn những đứa tiểu nơn.  
Nó tu vào địa <sup>(1)</sup> ngục.  
Tiểu nơn thói tục.  
Tu những tánh phàm,  
Tu một lòng bạc ác, gian tham.  
Tu những thói ngu ngoan hung bạo.  
Nuôi cho lớn tu lòng bất hiếu.  
Ăn cho no tu dạ bất trung,  
Chuốc sắc lành để mà a ý khúc tùng.  
Trao <sup>2</sup> lời khéo để sức phi văn quá <sup>3</sup>,  
Người hiền ngỗ, ghét ghen cản trở.  
Kẻ lỗi lầm, tầm tui <sup>4</sup> đon ren,

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết *đát*.

<sup>2</sup> Trao còn có thể đọc trau, khi đó chuốc ở câu trên sẽ đọc là chuốt (trau chuốt).

<sup>3</sup> Sức phi văn quá: tô điểm cái sai, lấp liếm điều lỗi.

<sup>4</sup> Cũng đọc là tìm tòi.

Tu bòn người lấy của cho đầy then.  
Tu mưu độc hại người cho phỉ giận,  
Đứa tiểu nơn như rận.  
Nó tu rút <sup>(1)</sup> máu người ta,  
Tu càng dày càng nát ông nát cha.  
Tu càng dày càng hại con hại cháu,  
Tu vợ tu váo.

Tu dọc, tu ngang,  
Hễ tiểu nơn chi ban.  
Thời nó tu đường bắt ngãi.

*Vậy cho nên:*

- (8) Âm vi quý thần sở hại.  
Dương vi vương pháp sở tru,  
Ấy là đứa tiểu nơn chi tu.  
Thời nó tu vào địa ngục,  
Tu mà thoát tục.  
Hãy còn trang thượng trí chi tu,  
Nhớ thuở Đường, Ngu.  
Thánh xưng nhị đế,  
Nhị đế người tu kỹ, mà thiên hạ đều an.  
Tam hoàng người tu nơn, mà muôn dân thầy  
trị.

Dầu nhần Hán Đường tương kế.  
Có tu nơn chánh thời thiên hạ mới an.  
Sang đến Triệu Tống tương truyền.  
Có tu đức hạnh, thời cơ đồ mới hay củng cố.  
Còn như vua Văn, vua Võ.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm là bộ khẩu bên chữ cúc (口 + 菊),

Người tu cũng tùy thời mà tu.  
Khi thái bình yên võ tu văn.  
Cơn bát loạn yên văn tu võ.  
Một người mà tu đủ  
Thời thiên hạ đặng thanh bình.  
Hãy hãy coi thọ đài Xuân.  
Tu làm vậy chẳng là trang thượng trí.  
Hãy còn trung trí chí tu.  
Mặc Địch, Dương Châu.  
Tu một việc vị hơn vị ngã.  
Nhỏ một lông mà lợi thiên hạ.  
(9) Thời họ Dương tu một sự chẳng vui.  
Mài mòn trán mà lợi một người.  
Thời họ Mặc tu một lòng chẳng ngại.  
Dầu những Thích Ca tu lại Đạt Ma tu qua.  
Tu cho tinh chuyên thời La Thập Cưu Ma.  
Tu cho khổ não thời là Văn Thù Bồ Tát.  
Số là người ngoại quốc.  
Trọn theo thói Trung Hoa  
Chê việc đời phú quý vinh hoa.  
Muốn những sự thanh nhàn cực lạc.  
Mượn danh là Phật.  
Chữ Phật là chữ phát chữ hơn.  
Luận lý cho chơn.  
Là phát tri hơn sự.  
Vậy cho nên:  
Ai dữ thời mặc dữ.  
Ai lành thời mặc lành,  
Nhà hưng vong phụ tử chẳng binh.

Nước trị loạn, quân thần chẳng đoái.

Vậy mà hay nói nhơn nói ngãi

Nói tánh, nói tình.

Người thế gian:

Tham chôn Thiên Đường thời ở lòng thành

Sợ địa ngục thời chừa thói dữ.

Muôn dân phụng tự.

Áy chẳng là trung chí chi tu?

Tu mà rất ngu,

Hãy còn trang hạ trí.

Kìa như Lương Võ Đế,

Đã đáng cao minh.

Nọ như Tần Thi Hoàng.

(10). Đã nên trang hung bạo.

Tham lam vì đạo.

Lận đận <sup>(1)</sup> tìm tiên

Mệt sức người mà thiên hạ chịu lao phiền,

Hao của nước mà muôn dân kêu đồ khổ.

Trăm chước tu hành thời có.

Mấy lông chứng nghiệm vốn không.

Đất Luân Đài chẳng phải Hớn hôi ngộ tấm

lòng.

Ái Hàm Cốc, Tần đà rắp ranh làm phản.

Cũng theo như Hớn.

Dễ một chi Tần ?

Tổng Đạo Quân đời nào tu cho hơn ?

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết đặng.

Lương Võ Đế đòi nào tu cho kịp ?  
Bại ải Bắc sao Phật chẳng ra mà cứu cấp ?  
Ngạ Đài thành sao Phật không đến trợ nần?  
Tiếc cơ đồ gây dựng gian nan  
Hoài sự nghiệp tổ tôn sáng tạo  
Kinh sư đã vang dậy tiếng pháo.  
Sao Tề Ngươn hãy nương án mà tụng kinh  
hoài hoài.

Khiết Đơn đà vây phủ trong ngoài.  
Sao Vương Khâm còn đóng cửa tu trai dôi  
dôi.

Hư thời đã phải.  
Chết chẳng ai thương.  
Hễ đạo làm Đế làm Vương  
(11). Thời tu quyền tu bính.  
Tu nhân tu chính.  
Tu kỹ tu cang,  
Trên thời tu Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang.  
Dưới thời tu kinh luân, thao lược.  
Có đâu bắt chước.  
Thầy Sãi tu chơi.  
Trộn tu trong một ngày mà đặng lên trời.  
Suy trị đạo chẳng ích chi trong nước.  
Mấy ai đặng phước  
Đều một phải tai!  
Cứ mê đạo hoài hoài.  
Tu làm vậy chẳng là hạ trí?

*Vãi viết :*



Ngờ là ông Sãi <sup>(1)</sup> có đều tu.  
Ai ngờ giả thói ngu  
Mới nên trang bọm lịch.  
Khôn ngoan trong sạch.  
Chữ nghĩa từ hoà  
Thiệt vàng nọ chưa pha.  
Hắn ngọc kia còn ân  
Chẳng kiêu, chẳng lận.  
Biết kính biết nhường  
Biết **tiểu** nhân cỏ rác mà dấy duông.  
Biết quân tử ngọc lành mà yêu chuông  
Biết khinh biết trọng.  
Biết của, biết người  
Ông có biết sự đời  
Nói nghe chơi cũng khá!

*Sãi viết :*

Vãi này cũng lạ.  
Chớ nói mà sầu  
Uông năm dây đàn gãy tay trâu  
Hoài muôn học nước xao đầu vịt.  
Sãi không có biết,  
Sãi không có hay,  
Ghé cho khỏi cánh tay.

(12) Kẻo mà tuông trái vế.

*Vãi viết:*

Ông này thật lẽ

---

<sup>1</sup> Nếu chữ Sãi là chữ chẳng câu văn thông hơn Sãi và chẳng viết rất giống nhau.

Vả lại bạc tình!  
Ông thấy Vãi có chí tu hành.  
Ông tưởng Vãi chẳng thông thời sự.  
Đã hay rằng: Nam tử thời chí kinh luân.  
Song le: Đấng phụ nhân cũng ghe tài kinh tế.  
Kìa như Châu Thái Tỹ.  
Kinh còn khen đức rạng khuê môn  
Nọ như Tống Tuyên Nhơn,  
Sử còn gọi nữ trung Nghiêu Thuấn.  
Gái như Tạ Đạo Uân,  
Gái mà hay vịnh tuyết nên thơ.  
Gái như Thái Văn Cơ,  
Gái cũng biết phân cầm nên khúc.  
Mưu gián chúa cho khỏi nơi dật dục,  
Chẳng là Đường Từ Huệ thứ phi.  
Chước cứu cha cho khỏi chốn nan nguy,  
Chẳng là Hán Đê Oanh thiếu nữ.  
Nam tử, nhiều trang nam tử.  
Phụ nhơn, ghe đấng phụ nhơn.  
Thuyền bá trôi ngàn thuở hỡi nhơn nhơn.  
Sách Hán để muôn đời còn vặc vặc.  
Gái mà có tài có sắc.  
Gái mà có hạnh có công.

- (13) Thuyền quyền đâu dễ kém anh hùng.  
Trách ông Sãi khéo phụ phàng bà Vãi.

*Sãi viết :*

Thậm phải! Thậm phải!  
Mừng thay! Mừng thay!  
Khát hạn nọ trông mưa,

Ôm cầm đà gặp khách.  
Chẳng cây cứng sao hay búa sắt.  
Biết ngựa hay về bởi đàng dài.  
Vây thời: Sãi rẽ mây ngút, phát chông gai.  
Đặng cho: Vãi thấy trời xanh, tìm đạo cả.  
Hiêm chi điều lạ.  
Hết mấy chuyện quen  
Ghé tai lại mà nghe.  
Xích vú ra kéo chạm <sup>(1)</sup>  
Sãi muốn nói một chuyện xa xa cho Vãi gẫm.  
Thời ngoại kỷ chép đã nên xe.  
Sãi muốn nói một chuyện gần gần cho Vãi  
nghe,  
Thời trong sách chép đã nên đống.  
Chuyện Đường, chuyện Tống  
Chuyện Thương, chuyện Hạ, chuyện Châu.  
Chuyện phụ tử làm đầu,  
Chuyện quân thần rất hệ.  
Sãi muốn nói một chuyện: quân sử thần dĩ lễ,  
Sãi lại e Tần, Sở phiến lòng.  
Sãi muốn nói một chuyện: thần sự quân dĩ  
trung,  
Sãi lại e Mãng, Tào sanh oán.  
Sãi muốn nói: vi phụ chỉ ư từ,  
Sãi lại e ông Cỗ Tẩu đức ngày <sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm: chém, không vắn và vô nghĩa.

<sup>2</sup> Cỗ Tẩu là cha của vua Thuấn, nghe mẹ ghê của Thuấn mà làm nhiều điều ác với Thuấn.

Sãi muốn nói một chuyện: vì tử chỉ ư hiếu  
cho Vãi hay

(14) Sãi lại e gã Tùỵ Dương chề ngộ <sup>1</sup>.

Sãi muốn nói một chuyện: vì nhơn bất phú,  
Sãi lại e ông Nhan Tử mắng rằng ai mượn nói  
tần ơn.

Sãi muốn nói chuyện: vì phú bất nhơn,  
Sãi lại e gã Thạch Sùng thốt rằng sao khéo  
thời lông mà tìm vít.

Sãi muốn nói một chuyện, tài tụ tắc dân tán  
Cho Sãi biết chớ Thương làm sao mà mất  
nước.

Sãi muốn nói một chuyện tài tán tắc dân tụ  
Cho Vãi hay thời Châu làm sao nên hưng mà  
phải thuyết.

Chuyện Vãi thời Vãi biết

Chuyện Sãi thời Sãi hay.

Gắng công phu tu luyện cho lâu ngày,

Đêm thanh vắng Sãi nói cùng một chuyện.

*Vãi viết:*

Ông này tu luyện,

Có chí kinh luân.

Giảng sử kinh tích để trong lòng

Mang y bát chân truyền phải mặt.

Dầu chẳng: “vạn gia sanh Phật”

Đã đành: “nhứt lộ phước tinh”

Thời chưa nên ông còn trẻ đãi công danh,

---

<sup>1</sup> Tích: Tùỵ Dương để giết cha, sát anh để đoạt ngôi vua.

Nếu vận đạt ông ắt khoe khoang thanh giá.

*Sãi viết:*

Chữ phụ nhơn nan hóa,

Vãi có biết ở đâu?

Câu Vị Tân, Lữ còn chờ đợi công hầu.

(15) Cày Sắn Dã, Y hãy mơ màng Nghiêu Thuấn

Chữ bất tri nhi bất uân.

Câu hữu đức tắc hữu lân

Sớm mười hai đầu đội đai cân

Muộn bảy chục cũng vai<sup>1</sup> đeo ấn tướng<sup>2</sup>.

Khôn vì Sãi hay tham quàng nên cả bệnh thất  
tình,

Tồn ư trung bất chánh ắt chẳng lành.

Phát ư ngoại bất tri thời tiết

Đầu bày chí thiết.

\* Sãi có bệnh hay vui.

Sãi vui dưới đất dài.

Sãi vui trên trời rộng.

Vui nước biếc non xanh lộng lộng

Vui trăng thanh nguyệt rạng lồ lồ

Trong ba đường, vui chứa một bầu.

Ngoài lục đạo, Sãi vui thông tam giải

Non Bồng Lai bước tới

Sãi vui với Bát Tiên.

Kiểm Thương Nhạc trèo lên

---

<sup>1</sup> Chữ vai, bản Nôm viết sai thành Rạng, có nghĩa nhưng không đối .

<sup>2</sup> Tích: Cam La 12 tuổi đã làm thừa tướng, Khương Tử Nha hơn 70 tuổi mới ra nắm quân quyền.

Sãi vui cùng Tứ Hạo.  
Vui nhơn, vui đạo  
Vui thánh vui hiền.  
Vui tiếng chuông giục khách lui thuyền.  
Vui chiếc giẻ đạp lau nướng giá.  
Lánh thói tục vui dòng Bát Nhã.  
Rửa màu thuyền<sup>1</sup> vui nước Ma Ha.  
Đạo răn người, vui giáo Thích Ca  
Nhơn cứu chúng, vui niêm Bồ Tát.  
Vui một bình một bát  
Vui một phụ một hề.  
Luận sự vui cho ngỗ, cho nguê  
Chi cho bằng đêm thanh vắng Sãi vui cùng  
mụ Vãi.

(16) \* Sãi lại có một bệnh hay yêu

Sãi chẳng yêu tà.

Sãi hay yêu chánh.

Luận trong thiên tánh, chi cho bằng yêu thân

Suy lý hạnh nhân, rớt thời yêu vật

Yêu chí thiết, yêu người hiền chất.

Yêu mặn mòi, thời yêu kẻ trung thành.

Yêu trượng phu mở rộng thịnh thịnh.

Yêu quân tử trống không lỏng lỏng.

Yêu gang sắt (<sup>2</sup>) mài mà chẳng mỏng.

Yêu lòng gương nhuộm mà chẳng đen

Yêu lỗ tai lời tà ít nghe quen.

---

<sup>1</sup> Thuyền=thiên, theo âm xưa.

<sup>2</sup> Bản Nôm viết sai thành SẮC, giọng Nam

Yêu con mắt sự cổ kim dòm thấu tỏ.  
Khắc<sup>1</sup> vợ vợ Sãi yêu bá tòng đồ sộ.  
Dặm xa xa Sãi yêu ngựa ký sỏi sành  
Con thảo cha Sãi yêu bằng ngọc bằng vàng,  
Tôi hay chúa Sãi yêu hơn châu hơn báu.  
Luận như (yêu) đạo thời Sãi yêu đạo Trung

Dung.

Suy (như) yêu lòng, thời Sãi yêu lòng nhơn  
ngãi.

Yêu mà nhà lợi, nước lợi chi cho bằng yêu  
hiền

Yêu mà tài nên, đức nên, phú quý nên, chi  
cho bằng yêu sĩ.

Yêu người tuệ trí.

Yêu kẻ hiền năng.

Như sự yêu lãng quăng, chi cho bằng yêu mục

Vãi

\* Sãi lại có một bệnh hay thương

(17) Sãi thương thuở Tam Hoàng

Sãi thương đời Ngũ Đế.

Thương vì nhơn, vì ngãi

Thương vì đức vì tài.

Thương vua Nghiêu áo bả quần gai.

Thương vua Thuần cày mây, cuốc nguyệt

Ăn hẩm hút, thương vua Thang, thương càng  
chí thiết.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm giống như là chữ *đoái* 兌, cũng có nghĩa.

Chịu lao tù, thương vua Văn, thương lại xót xa.

Thương Châu Công trung đã nên trung mà mắc <sup>(1)</sup> tiếng gièm pha.

Thương Phu Tử thánh đà chí thánh mà ghe phen hoạn nạn.

Thương mấy kẻ trung thân đời Hớn, vô tội mà thác oan.

Thương mấy người văn học nhà Tần vô can mà chôn sống.

Thương Gia Cát nên tài lương đồng, gặp chúa chẳng gặp thời.

Thương Nhạc Phi nên tướng ân oai, vô can mà phải hại.

Thương đi thương lại

Thương chẳng hay cùng

Ngồi đêm đông, Sãi thương người nằm giá khóc mắng.

Trông biển Bắc, Sãi thương người chẵn dê uống tuyết.

Thương càng chí thiết.

Thương rất đổi thương.

Thương cho khắp bốn phương.

Rồi lại thương mù Vãi.

\* Sãi có một bệnh hay ghét.

(18) Ghét Kiệt, ghét Trụ

Ghét Lệ, ghét U.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm: mắt, theo giọng Nam



Ghét vì nhọn chánh chẳng tu, khiến nước nhà  
nên mất.

Suy lòng ghét cho quá ghét, thời Sãi ghét đũa  
vô phụ, vô quân.

Suy lòng ghét cho quá ghét, thời Sãi ghét đũa  
đại gian đại ác.

Ghét ngang, ghét ngược.

Ghét lạ, ghét lùng.

Độc ngu ngơ, Sãi ghét đảng Tứ Hung,

Xem Tống sử, Sãi ghét bày Ngũ Qui

Ghét hoà, ghét hủy.

Ghét ngọt, ghét ngon.

Ghét đũa ngậy cầu my mà chôn con.

Ghét đũa đại, tham sang mà hại vợ.

Uốn <sup>(1)</sup> lưỡi vạy, Sãi ghét bày nước Sở.

Dạ tham no, Sãi ghét thói người Tề.

Ghét đũa gian mà hay đắc thế đắc thời

Ghét đảng nịnh, mà hay hại nhà hại nước

Ghét thấy lợi mà chạy xuôi chạy ngược.

Ghét thấy của mà lo thiệt lo hơn

Ghét những người ích kỷ hại nhọn.

Ghét những kẻ gian phụ, dâm phụ.

Ghét những đũa hay co hay cú.

Ghét những người chẳng thiệt, chẳng thà.

(19) Ấy là Sãi ghét người ta

Sau ghét Vãi sao vô tình cùng Sãi.

\* Sãi có một bệnh hay giận.

---

<sup>1</sup> Bản Nôm viết Uống, giọng Nam.

Sãi giận Sãi nhiều lắm, nhiều lỗi.  
Khi lỗi lắm Sãi một giận hoài.  
Sãi giận Sãi ít đức, ít tài  
Tuồng tài đức Sãi càng giận riết.  
Sãi giận Sãi kinh luân chẳng biết, thao lược  
chẳng hay.

Xa quân vương mà (không) giữ tâm lòng  
ngay.

Gần cha mẹ mà không đền đạo thảo.

Tuồng trong nhân đạo.

Sãi một giận căm

Như suy lý cổ câm.

Sãi càng giận lắm.

Thấy Đổng Trác lung lảng<sup>1</sup> trong nhà Hán,

Sãi giận người Hà Tiến vô mưu.

Đề Khuyển Nhung phá nát nhà Châu

Sãi căm gã Thân Hầu thất kế.

Máu sục sục chảy dòng Vị Thủy

Xương chan chan đầy nội Trường Đình

Giận Thương Quân hà chánh chẳng lành,

Giận Bạch Khởi vô mưu rất dữ,

Giận nhiều điều chướng, giận chẳng có khi

Thấy Sãi già mà Vãi bỏ Vãi đi

Chớ trách Sãi sao mà hay giận.

*Vãi viết:*

Nghe qua các chuyện,

Gẫm cũng có tình.

---

<sup>1</sup> Nguyên bản Nôm viết 撐控, chưa rõ nên phiên ra sao.

- Khen cho ông Sãi thuộc sử, thuộc kinh,  
Khen cho ông hữu tài, hữu trí.  
Lời ăn nói thánh hiền đạo vị.  
(20) Miệng <sup>(1)</sup> khoe khoang nghĩa lý văn chương.  
Đã tốt hạnh tốt hơn,  
Lại có tinh, có sắc.  
Lôi Âm tự có duyên thời thành Phật,  
Thiên Thai sơn tốt phước thời nên Tiên.  
Biết đường nào thấu đến Tây - Thiên.  
Cậy bảo hộ chung cùng hôm sớm.

*Sãi viết:*

Vừa vừa bọm Vãi,  
Bớt bớt yêu tinh.  
Chốn thiên đường còn cách trở mình mình  
Miền Phật quốc hãy xa chừng vời vời.  
Nam <sup>(2)</sup> phương khôn đường tới  
Bắc phương khó nẻo qua.  
Có một đường (phương) chẳng gần chẳng xa  
Nhưng mà ngặt nhiều mọi Đá Vách  
Tưởng càng lạc phách.  
Nhớ đến kinh hồn.  
Nó chém người như trùn.  
Nó giết người như rắn.  
Đến đâu thời tảo tận.  
Bất dạng thời giết tươi.  
Đã vào làng cướp của hại người.

---

<sup>1</sup> Chữ miệng viết sai chánh tả: miện.

<sup>2</sup> Có lẽ bản Nôm sai, đáng lý phải “Tây”

Lại ra nội chém heo bắt ngựa.  
Hãy tu đây cho dễ.  
Ắt qua đó khó lòng.  
Chớ đi mà nó bắt Vãi đi.  
Nỡ bỏ Sãi bỏ cô, bỏ cút.

*Vãi viết:*

Trong kinh có chữ.  
“Nhưng địch thị ưng “  
Có lòng tu thời vãng Tây Phương.  
Dầu mộ đạo cũng siêu phật quốc  
Chi bằng lời thật.  
Sãi Vãi nọ tu.  
Nguyện hoàng gia cơ nhạc thọ sơn.  
Chúc quốc tộ an như bàn thạch.

## Phụ lục II

Mười bài thơ họa Hà Tiên thập cảnh.

*Tác phẩm của NGUYỄN CƯ TRINH*

1. Kim dự lan đào.

Nguyên văn:

金嶼攔濤

帝怒陽侯數犯邊

敕移山岳鎮前川

波濤不拭長城面

水猛方知砥柱權

精衛半消銜石恨

驪龍全穩抱珠眠

知君亦是擎天勿

今古滔滔獨儼然

Phiên âm:

Đế nộ Dương Hầu số phạm biên,  
Sắc di sơn nhạc trấn tiền xuyên.  
Ba triêm bất thức trường thành diện,  
Thủy mãnh phương tri chỉ trụ quyền.  
Tinh Vệ bán tiêu hàm thạch hận,  
Ly long toàn ổn bảo châu miên  
Tri quân diệc thị kinh thiên vật.  
Kim cô thao thao độc nghiêm nhiên.  
(Kim dự lan đào)

Dịch Thơ:

Trời giận Dương hầu phạm đất này  
Sắc đem gò núi trấn sông đây  
Sóng xô, thế vững, thành không ngập,  
Nước mạnh quyền cao, núi chẳng sây.  
Tinh Vệ bớt hờn thôi đá ngậm  
Ly Long ôm ngọc ngủ dòng say.  
Mới hay tài ấy kê trời vững,  
Cuồn cuộn nghìn thu sức chẳng lay.  
(Đảo vàng ngăn sóng)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)

2. Bình san điệp thủy.

Nguyên văn:

屏山疊翠  
中分村落立峯嶠  
淡墨濃青作意描

地脉衰靈觀樹石  
民情愁樂問芻蕘  
春開錦幕邀戎府  
秋起金城拱聖朝  
此味廣洲人樂得  
草花不為陸沈凋

Phiên âm:

*Trung phân thôn lạc lập thiêu nghiêu,  
Đạm mặc nùng thanh tác ý miêu.  
Địa mạch suy linh quan thụ thạch,  
Dân tình sâu lạc vấn sô nghiêu.  
Xuân khai cẩm mạc yêu Nhung phủ  
Thu khởi kim thành củng Thánh triều.  
Thử vị Quảng Châu nhân lạc đắc,  
Thảo hoa bất vị lục trầm điêu.  
(Bình san điệp thụy)*

Dịch thơ:

*Xóm làng giữa khoảng đứng chênh vênh,  
Xanh thâm đen mờ khéo vẽ tranh.  
Cây núi cần tươi xem mạch đất,  
Nông, tiểu vui vẻ tỏ dân tình.  
Xuân treo màn gấm mời Nhung - phủ,  
Thu dựng thành vàng vững Đé - kinh  
Cảnh ấy hẳn người Châu Quảng thích,  
Bụi trần khôn nhuộm cỏ hoa xanh.  
(Rừng biếc non Bình).*

(Phạm Ngọc Khuê dịch)

3. Tiêu - Tự thân chung.

Nguyên văn:

蕭寺晨鐘

晨風搖落露花拋

迢遞孤聲過樹梢

金獸哮殘星海渚

木鯨打落月村坳

萬家醒夢佛朝闕

八水開顏曾下巢

待扣堪伶禪亦有

不鳴鳴得太陽交

Phiên âm:

*Thần phong dao lạc lộ hoa phao,*

*Thiều đệ cô thanh quá thụ sao.*

*Kim thú háo tàn tinh hải chử,*

*Mộc kinh đả lạc nguyệt thôn ao*

*Vạn gia tỉnh mộng Phật triều khuyết,*

*Bát thủy khai nhan tăng hạ sào.*

*Đãi khẩu kham linh thuyên diệc hữu,*

*Bát minh minh đắc thái dương giao.*

*(Tiêu tự thân chung)*

Dịch thơ:



*Gió sớm lay rơi hạt móc sa,  
Chòm cây vắng vắng tiếng ngân qua.  
Thú vàng gào nguyệt rơi lòng biên,  
Cá gõ khua sao rụng rãnh nhà  
Muôn họ tỉnh mộng triều Phật lay,  
Tám nguồn công đức đợi Sư ra.  
Đón chờ tiếng gõ trên am nôi.  
Chẳng gõ thì thôi, gõ sáng òa.  
(Chùa Tiêu chuông sớm)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)*

4. Giang Thành dạ cổ.

Nguyên văn:

江城夜鼓  
金城峙立碧江皋  
僵臥譙樓對月號  
細雨有權聲欲遜  
狂波無韻響偏豪  
遙呵鵲樹依難定  
近蕩蛟潭夢亦勞  
誰念天涯鳴武略  
京華從此枕彌高

Phiên âm:

*Kim thành trĩ lập bích giang cao,*

Cương ngọa tiêu lâu đối nguyệt hào.  
Tế vũ hữu quyền thanh dục tốn,  
Cuồng ba vô vận hưởng thiên hào,  
Dao kha thước thụ y nan định.  
Cận đãng giao đàm mộng diệc lao  
Thùy niệm thiên nhai minh vũ lược.  
Kinh hoa tòng thử chẩm di cao  
(Giang Thành dạ cổ)

Dịch thơ:

Thành vàng sững sững cạnh sông xanh,  
Năm khảnh gào trắng trên điểm canh,  
Mưa bụi như ngăn hơi rút nhỏ,  
Sóng rồ không át tiếng càn kinh.  
Cành rung điệu thước không yên tổ,  
Đêm động giao long khéo nấu hình.  
Ai thấu góc trời lừng võ lược?  
Kinh hoa cao gói vũng<sup>1</sup> tắm kình.  
(Giang thành trống khuya)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)

5. Thạch động thôn vân.

Nguyên văn:

石洞吞雲

一山開破雨岩阿

---

<sup>1</sup> *Vũng* nếu viết chữ Nôm 凭 thì cũng có thể đọc *bằng*, có thể hiểu là bật đi ?

吞下浮雲不放過  
螻屈龍伸歸嗽納  
鸞翔鳳煮入包羅  
葫蘆火濕煙凝重  
石室人寒紫積多  
出岫待教能五彩  
光浮神武定山河

Phiên âm:

*Nhất sơn khai phá lưỡng nham a,  
Thôn hạ phù vân bất phóng qua.  
Oách khuất long thân quy thẩu nạp,  
Loan tường phượng chủ nhập bao la.  
Hồ lô hỏa thấp yên ngưng trọng,  
Thạch thất nhân hàn tử tích đa.  
Xuất tỵ đãi giao năng ngũ thái,  
Quang phù thần vũ định sơn hà.  
(Thạch Động thôn vân)*

Dịch thơ:

*Một non nứt nẻ đá chia đôi,  
Nuốt trọn mây trời chẳng để trôi.  
Sâu ngắn, rộng dài chui đến cả.  
Loan bay phụng múa cũng vào thôi.  
Lò tiên lửa tắt khói mờ vách,  
Hang đá mây um, khí lạnh người  
Đợi thuở năm mây đùn khói núi,*

*Sáng trưng thân vũ nước non coi.  
( Động đá nuốt mây)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)*

6. Châu Nham lạc lộ

Nguyên văn:

珠岩落鷺  
山涵海色碧無瑕  
誰送霜兒到作花  
行傍浪頭魚失計  
立當松髮鶴忘家  
汐潮興替自巍業  
鳧鶴短長空囑啞  
為想烏衣堂上客  
還將碌碌笑天涯

Phiên âm:

*Sơn hàm hải sắc bích vô hà  
Thùy tổng sương nhi đảo tác hoa.  
Hành bạng lãng đầu ngư thất kế.  
Lập đương tùng phát hạc vong gia  
Tịch triều hưng thế tự nguy nghiệp  
Phù hạc đoản trường không chúc a.  
Vị tướng ô y đường thượng khách.  
Hoàn tương lục lục tiếu thiên nha.*

(Châu Nham lạc lộ)

Dịch thơ:

Xanh ngời không vết bể non pha,  
Ai đẩy “đàn sương” đến điểm hoa  
Trên sóng đua bơi, chài hết mọ,  
Đầu thông chen đứng, vạc không nhà.  
Nước triều lên xuống buông đầy dẫy.  
Le hạc vẫn dài luống thiết tha.  
Lại nhớ nhà ai đàn én trợ,  
Góc trời chen chúc những cười xòa.

(Non Châu còn vút)

(Phạm Ngọc Khuê dịch)

7. Đông Hồ ẩn nguyệt.

Nguyên văn:

東湖印月  
夜來誰琢兩圓光  
一貢天家一水鄉  
水謂銀盤天學鑄  
天疑玉鏡水真粧  
蛟鱷若漏遁形勢  
鷗鶴如添搏翼方  
慨想陶朱成事後  
乾坤歌酌最中央

Phiên âm:

*Dạ lai thùy trác lưỡng viên quang,  
Nhất công thiên gia thất thủy hương.  
Thủy vị ngân bàn thiên học chú,  
Thiên nghi ngọc kính thủy chân trang.  
Giao ly nhược lậu độn hình thế,  
Âu hạc như thiên bác dục phương.  
Khái tưởng Đào Chu thành sự hậu,  
Kiền khôn ca chúc tối trung ương.  
(Đông Hồ ấn nguyệt )*

Dịch thơ:

*Đêm thanh ai giữa cặp viên cầu,  
Một hiển trời xanh, một biển sâu.  
Nước tưởng thợ trời rèn đĩa bạc,  
Trời ngờ thám nước ngắm gương châu.  
Cá rồng sáng rọi thân khôn giấu,  
Cò hạc đường quang cánh tiến mau.  
Chợt nhớ ông Đào xong việc lớn,  
Ca vang trời đất rượu nghiêng bầu.  
(Trăng rọi hồ Đông)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)*

8. Nam Phổ trùng ba.

Nguyên văn:

南浦澄波

盈窪波浪幾時傾

還把玻璃列地明

箕畢分閒天事少  
鯨鯢權失海心平  
干城客有乘桴四  
行部人無問劍聲  
野老與鷗分席罷  
長安笑指聖人生

Phiên âm:

*Doanh oa ba lãng kỷ thời khuynh,  
Hoàn bả pha lê biệt địa minh.  
Cơ Tất phận nhàn thiên sự thiếu,  
Kinh nghệ quyền thất hải tâm bình.  
Can thành khách hữu thừa phù tứ,  
Hành bộ nhân vô vấn kiếm thanh.  
Dã lão dữ âu phân tịch bãi,  
Trường An tiếu chỉ thánh nhân sinh,  
(Nam Phó trừng ba)*

Dịch thơ:

*Doanh sâu máy độ sóng dâng đầy,  
Vãn sáng như gương giữa đất này.  
Cơ, Tất xa ngôi, trời lặng nhĩ,  
Kinh, nghệ mất vía, bề yên thay!  
Can thành khách muốn dong bè thả,  
Hành lộ người không rút kiếm gậy.  
Cò trắng, lão quê chia đất đứng,  
Trường An cười chỉ thánh sinh đầy  
(Sóng lặng bờ Nam)*

(Phạm Ngọc Khuê dịch)

9. Lộc Trĩ thôn cư.

Nguyên văn:

鹿 峙 村 居  
僻 壤 窮 居 可 寂 咱  
子 孫 無 患 奪 茅 亭  
鹿 脩 留 客 野 茶 黑  
豚 足 迎 妻 猿 果 青  
飽 暖 不 知 天 子 力  
豐 登 誰 信 海 神 靈  
更 無 租 稅 又 閒 事  
太 半 人 稱 近 百 齡

Phiên âm:

*Tích nhượng cùng cư khả tịch thính,  
Tử tôn vô hoạn đoạt mao đình.  
Lộc tu lưu khách dã trà hắc,  
Đồn túc nghinh thê viên quả thanh  
Bão noãn bất tri Thiên tử lực  
Phong đẳng duy tín Hải thần linh.  
Cánh vô tô thuế hựu nhàn sự,  
Thái bán nhân xưng cận bách linh.*  
(Lộc Trĩ thôn cư)

Dịch Thơ:



Xóm hẻm đường sâu vắng lặng tờ,  
Cháu con yên ổn giữ ranh bờ.  
Đun chè đãi khách dâng nem hoẵng,  
Hái quả nghinh hôn lược căng giò.  
No ấm chẳng nhờ Thiên tử giúp,  
Mùa màng duy cậy quỷ thần cho.  
Sống không sưu thuế lòng thư thái,  
Quá nửa người lên bách thọ đồ.

(Mũi Nai thôn nhỏ)

(Phạm Ngọc Khuê dịch)

### 10. Lư Khê ngư bạc.

Nguyên văn:

驢溪漁泊

魚家營隊月層層  
漏出叢蘆幾點燈  
父老空聞朝號漢  
妻兒偏貫客名陵  
撐扶江漢雙枝棹  
收拾乾坤一把曾  
聞道白蛟今又長  
睡徠行擬試餘能

Phiên âm:

Ngư gia doanh đội nguyệt tầng tầng,

Lậu xuất tòng lư kỷ điểm dăng.  
Phụ lão không văn triều hiệu Hán<sup>1</sup>,  
Thê nhi thiên quán khách danh Lãng<sup>2</sup>  
Sanh phù giang hán song chi trạo,  
Thu thập kiên khôn nhất bả tăng.  
Văn đạo bạch giao kim hựu trưởng.  
Thụy lai hành nghĩ thí dư năng.  
(Lư Khê ngư bạc)

Dịch thơ:

Bạn chài đội đội hạp đêm trăng.  
Thấp thoáng ngàn lau ánh dạ dăng,  
Bô lão tưởng như triều thuở Hán.  
Vợ con chỉ biết khách là Lãng,  
Bồng bênh sóng nước đôi chèo vẫy.  
Vơ vét kiên khôn một lưới giăng,  
Nghe nói thường luồng nay đã lớn.  
Đêm mơ chợt nghĩ thử tài chằng?  
(Vạn chài bến Vược)  
(Phạm Ngọc Khuê dịch)

---

<sup>1</sup> Triều hiệu Hán: do tích chuyện có khách đi lạc vào chốn hoang sơn gặp nơi cảnh đẹp thần tiên, dân cư sống vui vẻ, an lạc, hỏi phụ lão mới biết tổ tiên họ xưa vì tránh chính sự hà khắc của nhà Tần mà lánh vào đất này, trải qua nhiều đời, không biết đã hết Tần, qua Hán, tới lúc đó đã là nhà Tấn.

<sup>2</sup> Khách danh Lãng: Từ Lãng tên tự của Nghiêm Quang, nhà ẩn sĩ thời Hán Quang Võ, cây ruộng câu cá ở núi Phú Xuân, người sau gọi nơi đó là gành (hay đài) Nghiêm Lãng.